

Bản án số: 271/2019/DS-PT

Ngày: 03-7-2019

Về việc chia di sản thừa kế và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018 về việc “Chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1193/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Lê Văn S; Địa chỉ cư trú: 616/2, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2/ Ông Lê Văn Đ; Địa chỉ cư trú: 615/2, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3/ Bà Lê Thị Ch; Địa chỉ cư trú: 616/2, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

4/ Bà Lê Thị Ch; Địa chỉ cư trú: 626/3, tổ 16, khóm TK5, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

* Các nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông Trần Tiến V, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Tiến V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông Lê Văn Th

2/ Bà Thái Thị Kim Th1 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: 615/2, tổ 29, khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của bà Thái Thị Kim Th1: Ông Lê Văn Th (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/4/2017, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phan Văn Th2

2/ Bà Huỳnh Thị Hồng X

Cùng địa chỉ cư trú: 679D/11, khóm ĐP, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Hồng X: Ông Phan Văn Th2 (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/8/2018, có mặt).

3/ Ủy ban nhân dân thành phố LX; Địa chỉ trụ sở: 309/5A THĐ, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố LX: Ông Phạm Thành Th3; Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4/ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh An Giang; Địa chỉ trụ sở: 30-32 HBT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (có đơn xác định không có quyền lợi liên quan trong vụ án và xin không tham gia tố tụng).

5/ Ông Phan Văn L

6/ Bà Trần Thị Tr

Cùng địa chỉ cư trú: tổ 16, khóm TK5, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang (ông Liệt và bà Trang có đơn xin xét xử vắng mặt).

7/ Ông Phan Văn D

8/ Ông Đỗ Văn Ng

Cùng cư trú: khóm TK5, phường MH, TP LX, tỉnh An Giang (ông Dũng và ông Ngon có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Các ông bà Lê Văn S, Lê Thị Ch, Lê Văn Đ và Lê Thị Ch là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn cùng trình bày:

Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản của cha mẹ là ông Lê Văn H (chết năm 1977), bà Nguyễn Thị L1 (chết năm 2011), ông H bà L1 chết không để lại di chúc. Tài sản để lại là diện tích 5.088m² đất 2L và Lnk, theo tờ bản đồ số 02, thửa số 2736 và 2737 tọa lạc tại phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDD/gA ngày 05/6/2002 cho ông Lê Văn Th đứng tên. Cha mẹ có 05 người con gồm: Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch, Lê Thị Ch và Lê Văn Th. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, chia bằng hiện vật diện tích đất cho 5 phần bằng nhau.

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00918QSDD/gA ngày 05/6/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Th và bà Thúy đứng tên, hiện đã chuyển nhượng cho ông Th2, bà X có chính lý trang 4.

Bị đơn ông Lê Văn Th trình bày:

Khoảng tháng 4/2002, ông có nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị Nía phần đất 5.088m² đất 2L và Lnk, đất tọa lạc tại khóm TK6, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang với số tiền 70 chỉ vàng 24k, việc chuyển nhượng có làm hợp đồng và đã làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDD/gA ngày 05/6/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp. Đến năm 2009, ông chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Phan Văn Th2, bà Huỳnh Thị Hồng X mọi thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành xong. Ông xác định đây là phần đất ông bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng từ bà N và đã chuyển nhượng lại cho ông Th2, bà X là hợp pháp, không phải di sản thừa kế của ông H, bà L1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý, yêu cầu Tòa án xem xét lại nguồn gốc đất, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phan Văn Th2 trình bày: Năm 2009, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn Th, bà Thái Thị Kim Th1 phần đất 2L và LNK diện tích 5.088m² tọa lạc tại khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. Sau khi thỏa thuận xong thì đã làm hợp đồng công chứng và vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho đến nay (chính lý trang 4). Hiện tại diện tích đất này ông đã cố cho ông Liệt, bà Trang đang canh tác.

Ông Phan Văn L và bà Trần Thị Tr trình bày: Khoảng năm 2010, thì vợ chồng ông bà có nhận cố đất của vợ chồng ông Lê Văn Th diện tích 5.088m² thời gian cố là 02 năm đến hạn chuộc là 2012, số tiền cố 55.000.000 đồng, có thỏa thuận nếu ông Th không chuộc thì vợ chồng ông Liệt tiếp tục canh tác đến khi ông Th có tiền chuộc (không trả tiền thêm). Đến năm 2012, ông Th không chuộc đất, nhưng đã chuyển nhượng đất cho ông Phan Văn Th2, bà Huỳnh Thị Hồng X. Ông Th2, bà X có đến gặp vợ chồng ông bà thỏa thuận tiếp tục làm hợp đồng cố đất với ông Th2, bà X (không có đưa tiền cho ông Th2 mà là tiền cố đất 55.000.000 đồng của ông Th nhận trước đây) khi nào ông Th2, bà X trả

55.000.000 đồng thì vợ chồng ông bà sẽ trả đất cho ông Th2, bà X. Hiện tại đất vợ chồng ông bà đang canh tác. Việc tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn vợ chồng ông bà không có ý kiến. Đối với việc cố đất giữa vợ chồng ông bà với ông Th2, bà X thì ông bà không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ tranh chấp bằng vụ án khác.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh An Giang có ý kiến: Trước đây ông Phan Văn Th2 và bà Nguyễn Thị Hồng Xuân có thể chấp quyền sử dụng đất số 00918QSDĐ/gA ngày 05/6/2002 diện tích 5.088m² đất 2L và Lnk, theo tờ bản đồ số 02, thửa số 2736 và 2737 tọa lạc tại phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang để vay tiền, nhưng nay ông Th2, bà X đã trả xong toàn bộ nợ vay và Ngân hàng cũng đã trả toàn bộ tài sản thế chấp lại cho ông Th2, bà X. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh An Giang đề nghị không tham gia vụ án này.

Ủy ban nhân dân thành phố LX không có ý kiến, có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ông Đỗ Văn Ng và ông Phan Văn D: Không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 612, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị Ch và bà Lê Thị Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn H.

2/ Xác định diện tích đất 5.088m² đất 2L và Lnk, theo tờ bản đồ số 02, thửa số 2736 và 2737 tọa lạc tại phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDĐ/gA ngày 05/6/2002 cho ông Lê Văn Th đứng tên (Đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Th2 và bà Huỳnh Thị Hồng X) không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn H để lại.

3/ Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDĐ/gA ngày 05/6/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Lê Văn Th đứng tên (Đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Th2 và bà Huỳnh Thị Hồng X).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tụng, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/8/2018, các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm

sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của các ông bà. Căn cứ kháng cáo mà các nguyên đơn đưa ra là:

1/ Khi còn sống, mẹ của các ông bà L1 bà Nguyễn Thị L1 đã khởi kiện ông Th, bà Th1 đòi hai phần đất, gồm nền nhà và phần đất loại 2L. Do cơ quan có chức năng không lập được bản đồ hiện trạng vị trí hai phần đất tranh chấp nên bà L1 chỉ yêu cầu giải quyết đối với phần đất là nền nhà và việc tranh chấp này đã được giải quyết xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật (bản án số 46/2015/DS-PT ngày 27/01/2015 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang).

2/ Ông Th, bà Th1 cưới nhau vào năm 1988, không có việc làm, sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không thể có được 70 chỉ vàng 24k để mua phần đất này của bà Phan Thị Nĩa. Để có tiền mua phần đất đang tranh chấp này, bà L1 đã bán phần đất ở ấp Tây Bình C, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn và chính bà L1 là người trả vàng cho người bán. Việc ông Th, bà Th1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà L1 tạm giao và vợ chồng ông Th phải có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ, nhưng ông Th, bà Th1 đã ngược đãi mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2019 (dấu bưu cục nơi gửi đề ngày 28/6/2019), ngoài nội dung xin vắng mặt, các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông Lê Văn Th và ông Phan Văn Th2 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Chủ tọa công bố Bản luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn (được gửi qua đường bưu điện, dấu bưu cục nơi gửi đề ngày 28/6/2019), có nội dung như sau:

1/ Về quan hệ nhân thân: Ông Lê Văn H (chết năm 1977) và bà Nguyễn Thị L1 (chết năm 2011) có 5 người con chung là các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch, Lê Văn Th và Lê Thị Ch.

2/ Về nguồn gốc di sản đang tranh chấp:

Ông H, bà L1 tạo dựng được khối tài sản gồm: Căn nhà gắn liền với quyền sử dụng 860,8m² đất, thuộc thửa 5183, tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại 615/2 khóm TK4, phường MH, thành phố LX và 5.088m² đất loại 2L + Lnk, thửa 2736, tờ bản đồ số 02, toạ lạc tại phường MH, thành phố LX.

Khi còn sống, bà L1 đã có đơn khởi kiện ông Th và bà Th1, tranh chấp cả hai tài sản nêu trên. Tuy nhiên, do cơ quan có chức năng không lập được bản đồ hiện trạng vị trí hai phần đất tranh chấp nên bà L1 chỉ yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng 860,8m² đất, thuộc thửa 5183, tờ bản đồ số 03 bằng bản án có hiệu lực pháp luật (bản án số 46/2015/DS-PT ngày 27/01/2015 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang).

Riêng 5.088m² đất loại 2L + Lnk, thửa 2736, tờ bản đồ số 02 là do bà L1 bán phần đất ở ấp Tây Bình C, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn lấy tiền để mua và chính bà L1 là người trả vàng cho người bán. Ông Th, bà Th1 cưới nhau vào năm 1988, không có việc làm, sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không thể có được 70 chỉ vàng 24k để mua phần đất này. Việc ông Th, bà Th1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà L1 tạm giao và vợ chồng ông Th phải có trách nhiệm phụng dưỡng mẹ, nhưng ông Th, bà Th1 đã ngược đãi. Do đó, phần đất này là di sản của bà L1 để lại.

3/ Toà án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Ngô Văn B (chồng bà N) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

4/ Tại Biên bản hoà giải ngày 24/5/2010, ông Th xác định ông không có ý định chiếm đoạt phần đất 5.088m², nhưng hiện tại ông đã bán. Nếu bà N có yêu cầu, khi có tiền ông sẽ trả lại cho bà N.

Từ những phân tích trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3/ Về nội dung kháng cáo: Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/6/2002 có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và đã được chứng thực hợp lệ. Do đó, hợp đồng này là hợp pháp. Trong suốt quá trình ông Th được cấp giấy chứng nhận, các nguyên đơn và bản thân bà L1 không có ý kiến phản đối. Các nguyên đơn cho rằng 70 chỉ vàng 24k mua đất là của bà L1 nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch làm trong hạn luật định, đúng hình thức và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được công nhận về mặt hình thức, để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn; đồng thời là những người có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại đơn đề ngày 20/6/2019 (dấu bưu cục nơi gửi đề ngày 28/6/2019), các đương sự này xin xét xử vắng mặt.

Ông Trần Tiến V tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn. Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Vinh tham gia phiên toà nhưng ông Vinh vẫn vắng mặt. Ông Vinh có gửi Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp gửi Hội đồng xét xử (dấu bưu cục nơi gửi ngày 28/6/2019).

Do đó, Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch, Lê Thị Ch và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị Nĩa và ông Lê Văn Th, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Hợp đồng nêu trên được xác lập giữa một bên là bà N và một bên là ông Th, bà Nguyễn Thị L1 không phải là một trong các chủ thể xác lập hợp đồng. Theo hợp đồng, diện tích đất chuyển nhượng là 5.088m² thuộc thửa 2736, 2737, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường MH, thành phố LX, giá chuyển nhượng là 70 chỉ vàng 24k. Hợp đồng được UBND phường MH xác nhận hợp lệ vào ngày 12/4/2002 và UBND thành phố LX chứng nhận cho phép chuyển nhượng vào ngày 05/6/2002. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng này là hợp pháp. Trên cơ sở hợp đồng này, ngày 05/6/2002, UBND thành phố LX đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 918/QSĐĐ/gA cho ông Th.

Các nguyên đơn và Luật sư cho rằng, để có 70 chỉ vàng mua đất của bà N, bà L1 đã bán phần đất ở Thoại Sơn và chính bà L1 đã trực tiếp trả số vàng nêu trên cho bà N. Mặt khác, tại Biên bản hoà giải ngày 24/5/2010, ông Th thừa nhận phần đất tranh chấp là của bà L1. Ngược lại, ông Th cho rằng số vàng mua đất là của vợ chồng ông dành dụm, có mượn thêm của gia đình vợ, không phải của bà L1. Nhận thấy, ngoài lời trình bày ra, các nguyên đơn và Luật sư không xuất trình được tài liệu để chứng minh, trong khi đó ông Th phủ nhận điều này. Về biên bản hoà giải ngày 24/5/2010, đây chỉ là bản photocopy nên về hình thức không được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, không có câu chữ nào thể hiện ông Th xác định số vàng mua đất là của bà L1 và ông là người đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giùm cho bà L1.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Ngô Văn B (chồng bà N) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp chấp. Bởi, như phần trên đã nhận định, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th và bà N là hợp pháp, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng đã thực hiện xong, họ không tranh chấp với nhau về hợp đồng này; và trên thực tế, ông Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm không triệu tập bà N hoặc ông B (chồng bà N) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của các nguyên đơn và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 21/8/2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 612, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn H.

2/ Xác định diện tích đất 5.088m² đất 2L và Lnk, thuộc các thửa 2736, 2737, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang do

Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDĐ/gA ngày 05/6/2002 cho ông Lê Văn Th đứng tên (đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Th2 và bà Huỳnh Thị Hồng X) không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn H.

3/ Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00918QSDĐ/gA ngày 05/6/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Lê Văn Th đứng tên (đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn Th2 và bà Huỳnh Thị Hồng X).

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các ông bà Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Thị Ch và Lê Thị Ch.

5/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Đường sự (9);
- Lưu (3), 19b (án HQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa